

# PART 7: CÂU HỎI VỀ HÀM Ý CÂU NÓI



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi về hàm ý câu nói Part 7 tương tự như dạng câu hỏi này ở Part 3 và Part 4, yêu cầu thí sinh chỉ ra được **ý nghĩa, mục đích** của **một câu nói** trong một đoạn hội thoại.

- Câu hỏi về hàm ý câu nói Part 7 tương tự như dạng câu hỏi này ở Part 3 và Part 4, yêu cầu thí sinh chỉ ra được **ý nghĩa, mục đích** của **một câu nói** trong một đoạn hội thoại.
- Dạng câu hỏi này chỉ xuất hiện ở dạng bài **Text message chain - Chuỗi tin nhắn**.
- Câu hỏi về hàm ý câu nói ở Part 7 thường có dạng:
  - At 3:31, **why** does Anna **say** "... "?
  - At 2:14 P.M., what does Mr. Smith most likely **means** when he **writes**, "... "?
  - What does Michael **imply** when he says he "... "?

- Câu hỏi về hàm ý câu nói Part 7 tương tự như dạng câu hỏi này ở Part 3 và Part 4, yêu cầu thí sinh chỉ ra được **ý nghĩa, mục đích** của **một câu nói** trong một đoạn hội thoại.
- Dạng câu hỏi này chỉ xuất hiện ở dạng bài **Text message chain - Chuỗi tin nhắn**.
- Câu hỏi về hàm ý câu nói ở Part 7 thường có dạng:
  - At 3:31, **why** does Anna **say** "... "?
  - At 2:14 P.M., what does Mr. Smith most likely **means** when he **writes**, "... "?
  - What does Michael **imply** when he says he "... "?
- Dạng câu hỏi này chiếm 2/ 54 số câu hỏi của Part 7

## 2. PHÂN TÍCH VÍ DỤ

- Example 1:

Dennis Beck (2:52 P.M.)

Hi, Corinne. I just want to be sure that you saw the document I sent you. It's the combined market analysis and advertising proposal for the Keyes Elegant Home group. We're preparing it for tomorrow's presentation to the client.

Corinne McCall (2:53 P.M.)

Yes, I have just downloaded it. Is this about their new line of tableware?

Dennis Beck (2:54 P.M.)

Yes. I'd like you to read it over.

Corinne McCall (3:01 P.M.)

No problem. Would you like me to revise anything, or do you want me to just check that it is all clear?

Dennis Beck (3:02 P.M.)

Feel free to add information to the section "Advertising Strategies," since that is your area of expertise.

Corinne McCall (3:03 P.M.)

Will do. I'll get it back to you before the end of the day.

- Example 1:

**Q: At 3:01 P.M., what does Ms. McCall most likely mean when she writes, "No problem"?**

Vào lúc 3:01 chiều, cô McCall rất có thể có ý gì khi cô viết, "Không có gì"?

**(A) She did not have any issues logging on to her computer.**

Cô ấy đã không gặp bất kỳ vấn đề gì khi đăng nhập máy tính của cô ấy.

**(B) She does not think a document has errors.**

Cô ấy không nghĩ rằng tài liệu bị lỗi.

**(C) She is willing to review a document.**

Cô ấy sẵn sàng xem lại tài liệu.

**(D) She has time to meet representatives from Keyes Elegant Home.**

Cô ấy có thời gian để gặp những đại diện từ Keyes Elegant Home.



- Đọc câu hỏi:

**Q: At 3:01 P.M., what does Ms. McCall most likely mean when she writes, "No problem"?**

Vào lúc 3:01 chiều, cô McCall rất có thể có ý gì khi cô viết, "Không có gì"?

**(A) She did not have any issues logging on to her computer.**

Cô ấy đã không gặp bất kỳ vấn đề gì khi đăng nhập máy tính của cô ấy.

**(B) She does not think a document has errors.**

Cô ấy không nghĩ rằng tài liệu bị lỗi.

**(C) She is willing to review a document.**

Cô ấy sẵn sàng xem lại tài liệu.

**(D) She has time to meet representatives from Keyes Elegant Home.**

Cô ấy có thời gian để gặp những đại diện từ Keyes Elegant Home.

=> Dạng câu hỏi hàm ý câu nói

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Dựa vào câu hỏi, ta có thể dễ dàng xác định được câu nói trong chuỗi tin nhắn.

Corinne McCall (3:01 P.M.)

**No problem.** Would you like me to revise anything, or do you want me to just check that it is all clear?

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Dựa vào câu hỏi, ta có thể dễ dàng xác định được câu nói trong chuỗi tin nhắn.
  - Đọc tiếp **câu phía trên** để xác định câu **No problem** trả lời cho **câu hỏi gì**, và đọc thêm câu tiếp nếu cần thêm thông tin làm rõ ý cho câu trả lời:

Dennis Beck (2:54 P.M.)

Yes. I'd like you to read it over.

Corinne McCall (3:01 P.M.)

**No problem.** Would you like me to revise anything, or do you want me to just check that it is all clear?

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Dựa vào câu hỏi, ta có thể dễ dàng xác định được câu nói trong chuỗi tin nhắn.
  - Đọc tiếp **câu phía trên** để xác định câu **No problem** trả lời cho **câu hỏi gì**, và đọc thêm câu tiếp nếu cần thêm thông tin làm rõ ý cho câu trả lời:

Dennis Beck (2:54 P.M.)

Yes. I'd like you to read it over. => yêu cầu đọc tài liệu

Corinne McCall (3:01 P.M.)

**No problem.** => đồng ý

Would you like me to revise anything, or do you want me to just check that it is all clear? => hỏi thêm về yêu cầu

- Tìm thông tin + chọn đáp án:

- Dựa vào câu hỏi, ta có thể dễ dàng xác định được câu nói trong chuỗi tin nhắn.
- Đọc tiếp **câu phía trên** để xác định câu **No problem** trả lời cho **câu hỏi gì**, và đọc thêm câu tiếp nếu cần thêm thông tin làm rõ ý cho câu trả lời:

Dennis Beck (2:54 P.M.)

Yes. I'd like you to read it over. => yêu cầu đọc tài liệu

Corinne McCall (3:01 P.M.)

**No problem.** = Đồng ý xem tài liệu

Would you like me to revise anything, or do you want me to just check that it is all clear? => hỏi thêm về yêu cầu

**Q: At 3:01 P.M., what does Ms. McCall most likely mean when she writes, "No problem"?**

Vào lúc 3:01 chiều, cô McCall rất có thể có ý gì khi cô viết, "Không có gì"?

**(A) She did not have any issues logging on to her computer.**

Cô ấy đã không gặp bất kỳ vấn đề gì khi đăng nhập máy tính của cô ấy.

**(B) She does not think a document has errors.**

Cô ấy không nghĩ rằng tài liệu bị lỗi.

**(C) She is willing to review a document.**

Cô ấy sẵn sàng xem lại tài liệu.

**(D) She has time to meet representatives from Keyes Elegant Home.**

Cô ấy có thời gian để gặp những đại diện từ Keyes Elegant Home.

**Lưu ý:** Khi câu nói là dạng **câu trả lời ngắn** (VD: No problem. Ok, I see. That's a relief...) => đọc **câu phía trước** để hiểu câu hỏi.

- Example 2:

Liz Bradley 8:14

Sir, the arrangements have been made for your meeting with Mr. Johnson tomorrow afternoon. I've reserved a table for two at Sheraton Restaurant at 1:00 P.M.

Bernie Gibbs 8:17

Thank you. And have you compiled the reports that I'll need at the meeting?

Liz Bradley 8:18

Most of them, yes. I'm still waiting for Michael Steel's report. He told me that he would have them ready for me sometime this morning.

Bernie Gibbs 8:20

Well, they should have been completed last night. Can you contact him and see what's going on?

(Michael Steel has been added to the conversation 8:26)

Liz Bradley 8:27

Michael, Mr. Gibbs wants to know where the reports are. Are you finished with them?

Michael Steel 8:28

I apologize for the delay. Our intern accidentally deleted some files. I had to scour the database to locate the backup material. It was a bit of a headache sorting through the files that I needed but I think I have everything organized and I'm printing them out now.

Liz Bradley 8:29

Can you bring them to me as soon as you're done?

Michael Steel 8:30

Of course. I'll be there in 10 minutes.



- Example 2:

**Q: What does Michael imply when he says he "had to scour the database to locate the backup material"?**

Michael có ý gì khi anh ấy nói

anh ấy "đã phải lục soát cơ sở dữ liệu để xác định vị trí tài liệu sao lưu"?

**(A) He took his time writing the report.**

Anh ấy dành thời gian viết báo cáo.

**(B) He had to back up all the information first.**

Anh ấy phải sao lưu dự phòng tất cả thông tin trước.

**(C) He needed time to find the missing data.**

Anh ấy cần thời gian để tìm dữ liệu bị mất.

**(D) The computer was out of order.**

Máy tính bị hỏng.

- Đọc câu hỏi:

**Q: What does Michael imply when he says he "had to scour the database to locate the backup material"?**

Michael có ý gì khi anh ấy nói

anh ấy "đã phải lục soát cơ sở dữ liệu để xác định vị trí tài liệu sao lưu"?

**(A) He took his time writing the report.**

Anh ấy dành thời gian viết báo cáo.

**(B) He had to back up all the information first.**

Anh ấy phải sao lưu dự phòng tất cả thông tin trước.

**(C) He needed time to find the missing data.**

Anh ấy cần thời gian để tìm dữ liệu bị mất.

**(D) The computer was out of order.**

Máy tính bị hỏng.

=> Dạng câu hỏi hàm ý câu nói

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Xác định vị trí của câu nói và đọc những câu xung quanh để hiểu ngữ cảnh.

Michael Steel 8:28

I apologize for the delay. Our intern accidentally deleted some files. **I had to scour the database to locate the backup material.** It was a bit of a headache sorting through the files that I needed but I think I have everything organized and I'm printing them out now.

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Xác định vị trí của câu nói và đọc những câu xung quanh để hiểu ngữ cảnh.

Michael Steel 8:28

I apologize for the delay. Our intern accidentally **deleted some files**. => bị mất dữ liệu

**I had to scour the database to locate the backup material.** => phải tìm lại

It was a bit of a **headache** sorting through the files that I needed => tìm khá mất công

but I think I have **everything organized** and I'm printing them out now. => đã tìm được

- Tìm thông tin + chọn đáp án:
  - Xác định vị trí của câu nói và đọc những câu xung quanh để hiểu ngữ cảnh.

Michael Steel 8:28

I apologize for the delay. Our intern accidentally **deleted some files**. => bị mất dữ liệu

**I had to scour the database to locate the backup material.** => phải tìm lại

It was a bit of a **headache** sorting through the files that I needed => tìm khá mất công

but I think I have **everything organized** and I'm printing them out now. => đã tìm được

=> Michael mất nhiều thời gian tìm lại dữ liệu bị mất

**Q: What does Michael imply when he says he "had to scour the database to locate the backup material"?**

Michael có ý gì khi anh ấy nói

anh ấy “đã phải lục soát cơ sở dữ liệu để xác định vị trí tài liệu sao lưu”?

**(A) He took his time writing the report.**

Anh ấy dành thời gian viết báo cáo.

**(B) He had to back up all the information first.**

Anh ấy phải sao lưu dự phòng tất cả thông tin trước.

**(C) He needed time to find the missing data.**

Anh ấy cần thời gian để tìm dữ liệu bị mất.

**(D) The computer was out of order.**

Máy tính bị hỏng.

**Lưu ý 1:** Khi câu hỏi là dạng câu trần thuật về một hành động, sự việc  
=> tìm lí do, ngữ cảnh của hành động bằng cách **đọc câu trước và sau**.

**Lưu ý 1:** Khi câu hỏi là dạng câu trần thuật về một hành động, sự việc  
=> tìm lí do, ngữ cảnh của hành động bằng cách **đọc câu trước và sau**.

**Lưu ý 2:** Về thứ tự làm bài: Đây là dạng câu hỏi không khó, nên làm theo **đúng thứ tự**, vì trả lời những câu hỏi trước đó cũng giúp chúng ta hiểu được phần nào nội dung chính cũng như mạch trò chuyện.